

*Chữa* : Chân sưng

Thông tiểu tiện.

8. ĐẮC QUAN : Mu chân, cồ chân, điểm giữa lằn cồ chân.

*Công năng* : Dẫn máu nuôi chân teo.

9. ĐỊNH TỬ : Mu chân, khớp một ngón út lên 3 khoát.

*Chữa* : Tê liệt.

Hồi sinh ban đêm.

10. ĐỐI NHỐN : Khớp 2 ngón cái chân trái lên 1 khoát.

*Công năng* : Chữa sụp mí, lác và không nhắm mắt được.

11. GIÁC KHÍ : Chân phải đỉnh mắt cá trong lên 2 khoát (đối xứng Hữu Môn).

*Chữa* : Sa dạ con.

Bạch đới.

*Chú ý* : Không bấm huyết này khi :

— Đang có kinh, vừa hết kinh.

— Mới sinh con chưa đầy 3 tháng.

12. HỮU MÔN : Chân phải, bờ trước ngoài đầu dưới xương mác, cách đỉnh mắt cá ngoài 2 khoát, đối chiếu bên trong là giác khí.

*Công năng* : Chữa sa dạ con, bạch đới.

13. KHIÊN THỂ : Đỉnh mào chậu xuống 2 khoát.

*Công năng* : Móc xuống làm cho chân liệt trở em cử động, rụng phình một bên xẹp xuống.

14. KHÔ KHỐC : Coi mặt cá l' một hình vuông có hai cạnh đối song song với mặt đất, thì cách xác định huyết như sau :

— Khô Khốc 1 : Góc dưới sau.

— Khô Khốc 2 : Góc dưới trước.

— Khô khốc 3 : Góc chân trước.

*Công năng* : Khóa hãm khi bấm các huyết chữa bệnh khác.

*Quy tắc* : — Chân phải : y sinh khóa hãm ở mắt cá ngoài.

— Chân trái : Y sinh khóa hãm ở mắt cá trong.